

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, Người học có các kiến thức cơ bản về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp sơ cấp của tiếng Hàn theo các chủ đề đa dạng; có thể thực hành phát âm, nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn trình độ sơ cấp; có thể vận dụng đối chiếu giữa tiếng Hàn và tiếng Việt với mức độ căn bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được những từ vựng liên quan tới các chủ đề	Quan sát, kiểm tra thường xuyên
CLO2	Giải thích và sử dụng được các cấu trúc ngữ pháp quen thuộc hàng ngày và các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể	Kiểm tra thường xuyên, hỏi đáp
CLO3	Vận dụng được kỹ năng nghe-nói-đọc-viết để đặt câu ngắn theo chủ đề	Kiểm tra thường xuyên, hỏi đáp
CLO4	Giao tiếp tiếng Hàn được ở mức sơ cấp	Kiểm tra thường xuyên, hỏi đáp

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1		I		R		M	I	R				I	I
CLO 2		I		R		M	I	R				I	I
CLO 3		I		R		M	I	R				I	I
CLO 4				R		M	I	R				I	I
Tổng hợp học phần		I		R		M	I	R				I	I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện (2019), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam sơ cấp 1*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 경희대학교 (2014), *Get It Korean Grammar 1*, (주) 도서출판 하우.

[3] 고려대학교 한국어문화교육센터 (2008-2011), *재미있는 한국어 1*, 교보문고.

[4] Ahn Jean - myung, Lee Kyung - ah, Han Hoo - young, Biên dịch Trang Thơm (2018), *Ngữ pháp tiếng Hàn thông dụng : Sơ cấp*, NXB Hồng Đức

[5] Park Pong JA, Lý Kính Hiền dịch, Đỗ Thị Bích Lài hiệu đính (2012), *Từ điển ngữ pháp tiếng Hàn như một ngoại ngữ*, NXB Thông Tin và Truyền Thông.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần học
- Phân bố: 4 tiết/ buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học và điểm phát biểu;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*) Bài 1. Thực hành theo chủ đề Giới thiệu: kỹ năng chào hỏi, tự giới thiệu; ngữ pháp “입니다, 입니까, 은/는”; từ vựng về quốc gia, nghề nghiệp, lời chào; phát âm Âm dài hơi; cách chào hỏi của người Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2
2	Bài 2. Thực hành theo chủ đề Trường học: kỹ năng giới thiệu về trường học, tên đồ vật; ngữ pháp “여기/거기/저기,		- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	이것/그것/저것, 이/가, 에 있습니다, 이/가 아닙니다”; từ vựng về nơi chốn, trang thiết bị đồ vật trong trường học ; phát âm Âm thanh hầu; chế độ giáo dục của Hàn Quốc.	4 TH	- SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
3	Bài 3. Thực hành theo chủ đề Sinh hoạt hàng ngày: kỹ năng nói về cuộc sống hàng ngày, những điều mình thích; ngữ pháp “ㅂ/습니다, ㅂ/습니까, 을/를, 에서”; từ vựng về động từ, tính từ, sinh hoạt hàng ngày, đại từ nhân xưng để hỏi; phát âm Phụ âm, âm mũi; những điều mà người Hàn thích.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
4	Bài 4. Thực hành theo chủ đề Ngày và thứ trong tuần: kỹ năng nói về ngày và thứ, cách tính thời gian; ngữ pháp số từ gốc Hán, “와/과, 에”; từ vựng về thứ, ngày, tháng; phát âm Phụ âm cuối; biểu hiện số trong tiếng Hàn.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
5	Bài 5. Thực hành theo chủ đề Công việc trong ngày: kỹ năng nói về thời gian, công việc trong ngày; ngữ pháp số từ thuần Hàn, định từ số, “아/어요, 에 다가, 안”; từ vựng về thời gian, động từ chỉ hoạt động hàng ngày; phát âm Âm nhẹ; sinh hoạt ở trường đại học của sinh viên Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
6	Bài 6. Thực hành theo chủ đề Cuối tuần: kỹ năng diễn đạt quá khứ và hiện tại, đưa ra yêu cầu; ngữ pháp số từ thuần Hàn, định từ số, “왔/였, 하고, (으)십시오”; từ vựng về từ để hỏi, hoạt động cuối tuần; phát âm Âm bật hơi; hoạt động cuối tuần của Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
7	* Bài kiểm tra giữa kỳ (A2) Bài 7. Thực hành theo chủ đề Mua hàng: kỹ năng hỏi giá, mua hàng; ngữ pháp gián lược, “은/는, 고 싶다”; từ vựng về danh từ chỉ đơn vị, mua sắm; phát âm (đối chiếu) Âm thanh hầu và Âm bật hơi; tiền tệ của Hàn Quốc.	3 TH 1 KT	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
8	Bài 8. Thực hành theo chủ đề Ẩm thực: kỹ năng đặt món ăn; ngữ pháp gián lược, “겠, 지 않다, (으)세요”; từ vựng về món ăn Hàn Quốc, quán ăn; phát âm Âm thanh hầu tiếp theo; văn hóa ẩm thực của Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
9	Bài 9. Thực hành theo chủ đề Nhà cửa: kỹ năng mời khách và hướng dẫn đường đi; ngữ pháp “(으)로, (으)래요, 도”; từ vựng về nơi chốn, phương hướng, nhà cửa và đồ gia dụng; phát âm âm “ㄷ”; nhà cửa Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
10	Bài 10. Thực hành theo chủ đề Gia đình: kỹ năng giới thiệu gia đình; ngữ pháp định từ số tiếp theo, “께서, (으)시, gián lược “ㄴ””; từ vựng về gia đình, nghề nghiệp; phát âm phụ âm tiếp theo; xưng hô trong gia đình Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
11	Bài 11. Thực hành theo chủ đề Thời tiết: kỹ năng nói về kế hoạch cá nhân; ngữ pháp “bất quy tắc của “ㅂ”, 고, 부터~까지, (으)ㄴ 거예요”; từ vựng về mùa, thời tiết, nhiệt độ không khí; phát	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	âm Âm thanh môn; bốn mùa ở Hàn Quốc.		- Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	
12	Bài 12. Thực hành theo chủ đề Điện thoại: kỹ năng nói về mục đích, gọi điện thoại; ngữ pháp “에 게/한테/께, 지만,, (으)려고 하다”; từ vựng về hoạt động điện thoại; phát âm Âm lướt; số điện thoại thú vị ở Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
13	Bài 13. Thực hành theo chủ đề Sinh nhật: kỹ năng chúc mừng, giải thích lý do; ngữ pháp “아/어서, (으)니까요, 못”; từ vựng về sinh nhật, quà cáp; phát âm Âm thanh vòm; tiệc sinh nhật, thói nôi của người Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
14	Bài 14. Thực hành theo chủ đề Sở thích: kỹ năng nói về sở thích; ngữ pháp “bất quy tắc của “ㄷ”, (으)ㄴ 수 있다/없다, 기/는 것”; từ vựng về thể thao, sở thích, tần suất; phát âm Âm mũi; thú vui của người Hàn Quốc.	4 TH	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
15	Bài 15. Thực hành theo chủ đề Giao thông: kỹ năng sử dụng các phương tiện giao thông công cộng; ngữ pháp “에 서~까지, (으)로, (으)러 가다”; từ vựng về phương tiện giao thông, phỏ từ nghi vấn; phát âm Âm bật hơi; phương tiện giao thông công cộng của Hàn Quốc. Ôn tập cuối kì	3 TH 1 ôn tập	- GV: Hướng dẫn SV cách thức thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - SV: Thực hành từ vựng, ngữ pháp và làm bài tập - Yêu cầu SV chuẩn bị: xem trước các nội dung bài học trong buổi học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

* **Ghi chú:** Ở buổi 1 (buổi học đầu tiên), GV giới thiệu mục tiêu học phần (HP); vị trí và vai trò của HP trong CTĐT của ngành; CLO, các hình thức kiểm tra đánh giá, trọng

số của các bài đánh giá, nội dung HP, tiêu chí, biểu điểm các loại bài đánh giá, kiểm tra...; hướng dẫn phương pháp học tập HP, yêu cầu đối với SV; cung cấp và hướng dẫn SV cách sử dụng, theo dõi ĐCCT HP.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	SV làm bài kiểm tra vận dụng kiến thức thực hành	Bài dịch	CLO1 CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.2(Thực hành)	SV làm bài thi 60 phút (trắc nghiệm + tự luận)	Bài thi có tiêu chí chấm điểm cụ thể	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

- Nội dung: 1 bài kiểm tra
- Hình thức: Thực hành và vận dụng kiến thức thực hành làm bài dịch từ tiếng Hàn sang tiếng Việt.
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá			
	Đúng ngữ pháp (50 %)	Đúng từ vựng (30 %)	Đúng chính tả (20 %)	
Từ 8 đến 10	Từ 80%	Từ 80%	Từ 80%	
Từ 6 đến cận 8	Từ 60% đến cận 80%	Từ 60% đến cận 80%	Từ 60% đến cận 80%	
Từ 4 đến cận 6	Từ 40% đến cận 60%	Từ 40% đến cận 60%	Từ 40% đến cận 60%	
Từ 2 đến cận 4	Từ 20% đến cận 40%	Từ 20% đến cận 40%	Từ 20% đến cận 40%	

Từ 0 đến cận 2	Từ 0% đến cận 20%	Từ 0% đến cận 20%	Từ 0% đến cận 20%	
----------------	-------------------	-------------------	-------------------	--

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: 1 bài thi
- Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí đánh giá: (cách xác định như kiểm tra định kì).

Quảng Ninh, ngày ... tháng ... năm 2024

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Hằng

Hoàng Thị Hải Anh

Lê Tuấn Sơn

Phụ lục

1. Hướng dẫn đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao

2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao